

Biểu 1

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CỬ TRI THAM GIA LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số: 155 /BC-UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc thành lập tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1	2	3	4 = 6+7	5=4/3*100	6 = 8+10	7	8	9=8/6*100	10	11=10/6*100	12
	TỔNG CỘNG TOÀN TỈNH										
IX	HUYỆN SƠN HÀ	22752	22661	99,60	22658	3	22554	99,54	104	0,46	
1	Xã Sơn Hạ	2935	2935	100	2935		2935	100		0,00	
2	Xã Sơn Nham	1439	1439	100	1439		1431	99,44	8	0,56	
3	Xã Sơn Thành	2484	2452	98,71	2449	3	2419	98,78	30	1,22	
4	Xã Sơn Giang	1443	1443	100	1443		1431	99,17	12	0,83	
5	Xã Sơn Linh	1695	1681	99,17	1681		1681	100,0		0,00	
6	Xã Sơn Cao	1537	1537	100	1537		1515	98,57	22	1,43	
7	Thị trấn Di Lăng	2554	2509	98,24	2509		2509	100		0,00	
8	Xã Sơn Bao	1076	1076	100	1076		1065	99,0	11	1,02	
9	Xã Sơn Thượng	1316	1316	100	1316		1316	100		0,00	
10	Xã Sơn Trung	998	998	100	998		998	100,0		0,00	
11	Xã Sơn Hải	949	949	100	949		949	100,0		0,00	
12	Xã Sơn Thủy	1348	1348	100	1348		1331	98,74	17	1,26	
13	Xã Sơn Kỳ	1847	1847	100	1847		1843	99,78	4	0,22	
14	Xã Sơn Ba	1131	1131	100	1131		1131	100		0,00	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 2

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CỬ TRI THAM GIA LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI VIỆC
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: 155 /BC-UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

ST T	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
1	2	3	4 = 6+7	5=4/3*100	6 = 8+10	7	8	9=8/6*100	10	11=10/6*100	12
IX	HUYỆN SƠN HÀ	22752	22661	99,60	22658	3	22540	99,48	118	0,52	
1	Xã Sơn Hạ						Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành				
a	Xã Sơn Hạ	2935	2935	100	2935		2935	100		0,00	
b	Xã Sơn Nham	1439	1439	100	1439		1416	98,40	23	1,60	
c	Xã Sơn Thành	2484	2452	98,71	2449	3	2419	98,78	30	1,22	
	TỔNG CỘNG	6858	6826	99,53	6823	3	6770	99,22	53	0,78	
2	Xã Sơn Linh						Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao				
a	Xã Sơn Giang	1443	1443	100	1443		1431	99,17	12	0,83	
b	Xã Sơn Linh	1695	1681	99,17	1681		1681	100		0,00	
c	Xã Sơn Cao	1537	1537	100	1537		1515	98,57	22	1,43	
	TỔNG CỘNG	4675	4661	99,70	4661		4627	99,27	34	0,73	

ST T	Đơn vị hành chính	Số lượng cử tri			Tình trạng phiếu lấy ý kiến đối với từng cử tri đại diện hộ gia đình		Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã				Ghi chú
		Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách	Số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến	Tỷ lệ (%)	Hợp lệ	Không hợp lệ	Đồng ý	Tỷ lệ kết quả đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ kết quả không đồng ý/Tổng phiếu hợp lệ (%)	
3	Xã Sơn Hà						Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng				
a	Thị trấn Di Lăng	2554	2509	98,24	2509		2509	100		0,00	
b	Xã Sơn Bao	1076	1076	100,00	1076		1065	98,98	11	1,02	
c	Xã Sơn Thượng	1316	1316	100	1316		1316	100		0,00	
	TỔNG CỘNG	4946	4901	99,09	4901		4890	99,78	11	0,22	
4	Xã Sơn Thủy						Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy				
a	Xã Sơn Trung	998	998	100	998		998	100		0,00	
b	Xã Sơn Hải	949	949	100	949		947	99,79	2	0,21	
c	Xã Sơn Thủy	1348	1348	100	1348		1331	98,74	17	1,26	
	TỔNG CỘNG	3295	3295	100	3295		3276	99,42	19	0,577	
5	Xã Sơn Kỳ						Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba				
a	Xã Sơn Kỳ	1847	1847	100	1847		1846	99,95	1	0,05	
b	Xã Sơn Ba	1131	1131	100	1131		1131	100			
	TỔNG CỘNG	2978	2978	100	2978		2977	99,97	1	0,03	